TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST Ngày: 02-02-2024 V/v ly hôn giữa bà C và ông T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

2. Bà Phạm Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Khánh C, sinh năm: 1993 (có mặt);

Nơi ĐKHKTT: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Bùi Quang T, sinh năm: 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Khánh C trình bày:

Bà C và ông T tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105/2017 ngày 24/11/2017. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T có qua lại với người khác dẫn đến hai vợ chồng không còn tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Bà C đã cho ông T cơ hội thay đổi nhưng ông T không thay đổi. Nay bà C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà C yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Đình P, sinh ngày 19/11/2018, hiện đang sống chung với bà C. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, bà C yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hiện nay, ông T làm công việc gì và làm ở đâu thì bà không biết nhưng do là con chung nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- *Đối với bị đơn ông Bùi Quang T*, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Quang T. Ông T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà C, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Khánh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Quang T, ông T có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Bùi Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Lê Khánh C và ông Bùi Quang T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105/2017 ngày 24/11/2017 nên xác định hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà C trình bày, sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T có qua lại với người khác dẫn đến hai vợ chồng không còn tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Bà C đã cho ông T cơ hội thay đổi nhưng ông T không thay đổi. Đối với ông T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản hồi và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà C. Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: bà C và ông T chung sống có 01 con chung tên Bùi Đình P, sinh ngày 19/11/2018. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống chung với bà C, cuộc sống đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao con chung tên Bùi Đình P, sinh ngày 19/11/2018 cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Đình P. Bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh chi tiêu nhu cầu thiết yếu của cháu P và thu nhập thực tế của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Đình P với mức cấp dưỡng tối thiểu (bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm) kể từ ngày 02/02/2024 đến khi cháu Bùi Đình P đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày không có, ông T không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.4] Về án phí: bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Khánh C về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn ông Bùi Quang T.

1. Về hôn nhân: bà Lê Khánh C được ly hôn với ông Bùi Quang T.

2. Về nuôi con chung: bà Lê Khánh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đình P, sinh ngày 19/11/2018. Ông Bùi Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 900.000 đồng/tháng kể từ ngày 02/02/2024 đến khi cháu Bùi Đình P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Lê Khánh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0002644 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà C đã nộp đủ. Ông Bùi Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thủy Tiên